Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 10A4

HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2								
			ĐĐG TX					ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	5.0	5.0	1.0	4.0	4.5	3.0	5.6	4.2	4.4
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	5.0	5.0	6.5	5.0	4.0	6.0	6.5	5.7	5.3
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	9.0	6.0	10	10	10	8.8	9.0	9.0	9.0
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	6.0	5.0	6.5	7.0	2.5	7.4	7.5	6.4	6.5
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	7.0	5.0	9.5	6.0	7.0	6.6	8.1	7.2	7.1
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	7.0	6.0	4.5	8.0	3.0	5.8	5.7	5.7	5.6
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	8.0	7.5	8.5	7.0	6.5	8.4	8.6	8.0	8.0
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	8.0	6.0	5.0	5.0	8.5	6.8	7.7	6.9	6.7
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	7.0	7.0	8.0	7.0	8.5	8.8	8.8	8.2	7.9
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	8.0	7.0	7.5	9.0	6.0	8.2	8.1	7.8	7.7
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	7.0	7.5	8.5	7.0	6.0	8.6	8.4	7.8	7.5
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	7.0	6.0	8.0	8.0	5.0	7.8	8.1	7.4	7.7
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	7.0	6.0	6.5	5.0	5.0	6.6	6.8	6.3	6.3
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	10	8.5	10	8.0	8.5	8.0	8.5	8.7	8.4
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	7.0	5.0	4.0	5.0	6.5	7.4	8.4	6.8	6.2
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	8.0	6.0	2.0	6.0	5.0	5.2	7.6	6.0	6.2
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	7.5	8.0	8.0	8.5	7.4	8.3	8.2	8.1
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.9	7.0	6.8	6.5
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	7.0	8.0	7.0	7.0	7.5	8.1	8.0	7.7	7.5
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	7.0	5.5	7.0	5.0	6.0	7.2	8.6	7.1	6.7
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	8.0	8.5	7.0	8.0	8.0	7.6	8.3	8.0	7.7
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	7.0	5.0	2.0	5.0	2.5	3.2	4.2	4.1	3.9
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	9.0	9.5	7.0	8.0	9.0	8.8	9.2	8.8	8.7
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	6.0	4.0	4.0	5.0	2.5	5.7	7.6	5.6	5.6
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	7.0	6.5	10	7.0	8.0	6.2	9.1	7.8	7.6
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	8.0	7.0	7.5	6.0	7.5	8.0	7.8	7.5	7.4
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	8.0	7.0	10	7.0	8.0	8.8	8.4	8.3	7.7
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	7.0	6.0	4.0	6.0	8.0	7.8	7.6	6.9	6.8
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	9.0	5.0	4.0	5.0	3.5	4.4	7.5	5.8	5.8
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	7.0	7.5	7.0	8.0	6.0	6.4	8.6	7.4	7.3
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	9.0	6.5	5.0	6.0	4.0	6.3	6.9	6.4	6.3
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	8.0	8.5	6.5	7.0	8.5	8.1	8.7	8.1	7.9
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	8.0	7.0	7.5	5.0	6.5	6.8	8.4	7.3	7.2
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	8.0	4.0	3.0	6.0	4.0	4.4	4.4	4.7	4.7
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	8.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.8	7.6	7.1	6.9
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	7.0	8.5	7.5	9.0	9.0	8.4	8.3	8.3	8.0
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	7.0	4.0	4.0	6.0	6.0	5.8	7.9	6.2	6.0
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	9.0	9.5	8.0	9.0	9.0	8.6	8.5	8.7	8.6
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	8.0	6.5	7.0	6.0	5.0	5.3	7.6	6.6	6.3
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	8.0	9.0	9.5	8.0	8.5	8.0	9.0	8.6	8.3
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	7.0	5.0	8.5	5.0	5.0	7.2	6.1	6.3	6.6
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	6.1	8.8	7.2	6.9
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	8.0	9.0	10	8.0	7.0	8.2	8.4	8.4	8.1
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	9.0	8.5	6.0	6.0	7.5	7.4	8.2	7.6	7.0
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	9.0	8.0	5.0	8.0	5.0	5.0	8.3	7.0	7.1

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN VẬT LÍ LỚP 10A4
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	3.0	4.0	4.7	4.5	6.8	4.8	4.9	4.4
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	2.0	8.0	4.7	3.8	5.3	4.3	4.7	4.2
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	9.8	9.5	9.0	10	9.3	8.8	9.3	9.0
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	7.3	8.0	6.0	4.5	8.0	7.0	7.0	6.9
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	6.7	9.5	8.0	6.0	7.8	8.8	8.0	8.1
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	5.0	8.5	5.1	6.0	7.0	6.8	6.6	6.5
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	4.0	9.0	9.0	5.5	7.5	8.5	7.6	7.4
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	8.0	9.0	8.5	8.0	7.5	8.3	8.2	8.0
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	10	10	10	10	9.5	9.0	9.6	9.4
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	8.0	9.5	9.2	8.5	7.5	7.8	8.2	8.3
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	8.0	8.0	8.0	9.0	7.8	8.0	8.1	8.0
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	4.7	9.5	9.0	7.5	7.8	7.8	7.7	7.2
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	2.3	8.0	4.9	4.5	6.5	7.0	6.0	5.3
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	8.5	9.5	9.0	6.5	7.8	7.5	8.0	8.0
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	4.3	9.5	9.4	7.8	6.8	8.3	7.7	7.0
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	8.0	8.5	7.0	6.8	7.8	7.3	7.5	7.2
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	9.5	9.0	10	8.5	8.5	9.0	9.0
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	4.7	7.0	4.7	7.3	5.0	5.8	5.7	6.1
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	9.0	9.5	9.2	6.8	8.0	8.5	8.4	8.2
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	7.0	8.5	5.1	7.0	8.3	8.0	7.6	7.3
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	8.0	9.5	10	7.3	8.5	9.0	8.8	8.5
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	3.0	6.0	6.0	3.5	3.8	2.8	3.8	3.8
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	9.0	9.5	9.4	8.8	8.5	8.8	8.9	9.1
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	7.0	8.0	8.0	7.0	5.5	8.0	7.2	6.5
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	9.5	8.5	9.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.8
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	10	8.5	8.5	8.3	8.8	8.5	8.7	8.5
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	6.6	9.0	8.5	7.5	7.5	8.5	8.0	7.2
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	8.7	9.5	8.5	9.3	7.8	8.0	8.4	8.1
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	5.0	8.0	8.6	5.3	6.5	5.5	6.3	5.9
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	7.3	8.0	9.0	8.3	9.0	9.0	8.6	8.3
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	7.7	8.0	9.2	7.0	7.0	7.8	7.7	7.3
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	6.7	9.5	9.2	4.5	7.3	6.8	7.2	7.2
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	7.5	8.5	9.4	8.3	9.0	8.0	8.4	8.0
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	3.3	4.0	5.1	6.5	4.8	6.0	5.2	5.0
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	9.0	8.5	9.3	8.3	8.3	8.5	8.6	8.2
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	9.0	8.5	9.4	8.8	9.0	9.0	9.0	9.0
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	5.0	8.0	9.3	6.0	6.5	5.5	6.4	6.0
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	10	10	10	10	9.5	9.0	9.6	9.5
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	4.3	8.5	8.5	8.3	7.3	6.8	7.2	6.2
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	10	10	10	10	9.8	9.3	9.7	9.6
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	5.3	8.5	4.7	5.5	7.3	7.3	6.7	6.9
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	3.7	9.0	9.0	5.8	4.8	5.8	6.1	6.1
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	8.7	9.5	9.4	8.8	8.3	8.3	8.7	8.8
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	7.0	8.5	6.1	5.8	6.8	8.5	7.4	6.9
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	3.3	8.0	6.0	4.3	5.8	6.5	5.9	6.1

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN HÓA HỌC LỚP 10A4
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	5.0	5.0	7.0	7.0	7.1	8.8	7.2	6.2
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	5.0	6.0	8.0	8.0	7.1	7.8	7.2	6.7
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	8.0	9.5	9.0	9.5	8.8	8.3	8.7	8.5
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	7.0	8.5	9.0	9.0	8.3	7.5	8.1	7.9
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	9.0	9.0	9.0	10	8.8	8.5	8.9	8.8
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	8.0	8.5	8.5	9.0	6.3	8.0	7.8	7.5
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	5.0	7.0	8.0	8.0	7.3	8.8	7.7	7.3
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	8.0	8.5	9.0	9.5	8.0	9.0	8.7	8.3
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	8.0	9.0	9.0	10	9.0	8.9	9.0	8.8
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	8.0	9.0	9.5	10	8.8	8.2	8.7	8.5
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	8.0	9.0	9.5	9.5	8.1	9.0	8.8	8.5
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	8.0	9.0	9.0	9.5	8.5	8.5	8.7	8.5
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	8.0	8.5	9.0	8.5	8.3	9.0	8.6	8.1
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	9.0	8.5	9.0	8.5	8.5	8.5	8.6	8.6
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	8.0	9.0	9.5	9.0	8.5	8.4	8.6	8.1
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	8.0	9.5	9.0	9.5	7.0	7.8	8.2	7.9
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	9.0	9.5	9.0	10	8.8	8.8	9.1	8.8
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	7.0	8.0	8.0	8.5	8.3	9.0	8.3	7.8
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	8.0	9.0	9.5	10	9.0	8.8	9.0	8.8
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	8.0	8.5	9.5	9.5	8.8	8.9	8.9	8.6
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	9.0	9.0	9.5	10	8.8	9.0	9.1	8.7
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	9.0	6.0	8.0	8.0	4.2	4.9	6.0	5.4
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	8.0	9.0	9.5	9.5	9.0	9.0	9.0	8.9
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	8.0	9.0	9.5	9.5	7.0	7.2	8.0	7.6
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	8.0	9.0	9.5	9.5	8.8	8.6	8.8	8.5
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	8.0	9.5	9.5	10	9.0	8.8	9.0	8.8
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	9.0	9.5	9.5	10	8.1	9.0	9.0	8.4
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	8.0	9.0	9.5	9.5	7.7	9.0	8.7	8.4
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	7.0	8.5	8.5	9.0	7.2	7.3	7.7	7.2
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	8.0	9.0	9.0	9.5	8.5	8.5	8.7	8.6
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	8.0	9.5	9.0	10	6.7	6.6	7.7	8.0
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	5.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.5	6.9	6.5
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	8.0	8.5	9.0	9.5	8.9	9.0	8.9	8.7
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	8.0	9.0	9.0	9.5	7.5	7.1	8.0	7.5
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	8.0	8.5	9.0	9.0	7.8	8.3	8.3	8.1
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	8.0	9.5	9.0	9.5	8.8	9.0	9.0	8.7
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	7.0	7.0	8.5	8.5	6.4	6.0	6.9	6.8
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	10	9.5	9.5	10	9.0	9.0	9.3	9.3
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	9.0	9.5	9.5	10	8.5	7.4	8.6	8.4
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	8.0	9.5	9.5	10	9.0	8.4	8.9	8.8
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	8.0	9.0	9.0	9.5	8.8	7.7	8.5	8.2
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	8.0	8.5	9.0	9.0	7.8	6.9	7.9	7.2
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	7.9	8.3	8.3
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	8.0	9.0	9.0	9.5	7.5	9.0	8.6	7.9
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	7.0	8.0	8.5	8.5	7.0	6.3	7.2	7.2

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC LỚP 10A4
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	5.0	6.0	7.5	4.8	4.5	5.2	5.3
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	4.0	4.5	8.5	3.0	4.0	4.4	4.7
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	8.0	5.0	9.5	5.8	6.3	6.6	7.0
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	7.5	7.5	9.5	5.5	6.5	6.9	6.6
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	3.5	5.5	8.5	5.3	5.4	5.5	6.1
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	6.5	5.0	9.0	3.8	5.0	5.4	5.5
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	5.0	5.0	9.5	6.0	5.3	5.9	6.0
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	5.0	6.5	8.0	5.3	5.5	5.8	5.9
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	8.0	7.5	7.0	6.0	6.5	6.8	7.1
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	7.5	7.0	8.0	5.8	6.5	6.7	7.1
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	6.5	6.5	8.0	4.0	6.0	5.9	6.1
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	5.5	7.0	8.5	7.0	4.9	6.2	6.4
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	6.0	5.0	7.0	3.5	6.7	5.6	6.0
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	8.0	5.0	8.0	3.8	5.9	5.8	6.1
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	7.5	7.5	9.0	4.3	6.3	6.4	6.5
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	7.0	7.5	8.5	4.3	3.4	5.2	5.6
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	8.0	6.0	10	5.0	4.5	5.9	5.9
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	7.5	5.0	8.0	5.8	3.6	5.4	5.4
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	5.0	7.0	9.0	6.5	7.0	6.9	7.1
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	6.5	4.5	8.5	4.3	4.0	5.0	5.5
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	6.5	5.5	7.5	6.8	5.9	6.4	6.6
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	3.5	5.0	6.5	3.5	3.5	4.1	4.5
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	8.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.6	7.5
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	6.5	4.0	8.5	4.0	4.4	5.0	5.1
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	6.5	8.0	9.5	5.3	5.4	6.4	6.4
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	8.0	6.5	9.5	6.5	6.2	7.0	7.3
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	5.0	6.5	8.0	5.5	4.7	5.6	6.1
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	5.0	5.5	8.5	6.8	5.7	6.2	6.6
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	4.5	6.0	7.0	3.8	5.2	5.1	5.1
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	7.0	4.5	8.5	5.3	5.0	5.7	6.2
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	7.5	6.0	8.5	3.5	4.5	5.3	5.4
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	7.5	5.5	7.5	5.0	5.8	6.0	6.1
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	5.0	6.0	8.0	6.3	4.5	5.6	6.1
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	8.0	4.5	9.5	6.3	4.9	6.2	5.6
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	4.0	6.5	7.5	3.0	6.0	5.3	5.5
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	7.0	7.0	9.5	7.0	7.3	7.4	7.2
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	3.0	6.5	6.5	3.0	4.5	4.4	5.0
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	7.5	8.0	8.5	5.5	7.0	7.0	7.0
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	5.5	6.5	8.5	4.8	5.6	5.9	5.7
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	6.5	8.0	9.0	7.5	7.8	7.7	7.8
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	5.0	4.5	8.5	4.3	3.5	4.6	5.1
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	3.5	6.0	9.0	5.3	6.3	6.0	5.7
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	6.0	7.5	9.0	7.8	5.5	6.8	7.3
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	5.5	4.5	9.0	4.8	3.0	4.7	5.0
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	8.0	6.5	9.5	8.8	7.3	7.9	8.1

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi **BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG LỚP 10A4**

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2			
			ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007				
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007				
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007				
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007				
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007				
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007				
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007				
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007				
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007				
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007				
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007				
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007				
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007				
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007				
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007				
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007				
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007				
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007				
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006				
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007				
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007				
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006				
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007				
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007				
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007				
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007				
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007				
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007				
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007				
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007				
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007				
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007				
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007				
34	Lê Viết Trà	01/12/2007				
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007				
36	Võ Gia Triết	28/07/2007				
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007				
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007				
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007				
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007				
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007				
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007				
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007				
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007				
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007				

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN NGỮ VĂN LỚP 10A4
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	7.0	6.0	6.5	7.0	3.5	7.0	6.1	5.6
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	7.0	8.0	7.0	5.0	4.0	6.0	5.9	5.7
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	8.0	4.5	7.0	8.0	5.5	8.0	6.9	6.6
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	6.5	6.0	6.0	7.0	5.5	7.0	6.4	6.1
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	7.5	7.0	7.5	5.5	7.0	8.0	7.3	6.7
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	5.0	6.5	5.5	7.5	5.0	4.5	5.3	4.9
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	7.0	5.5	6.0	7.0	6.0	6.5	6.3	5.7
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	7.5	5.5	7.0	6.5	5.0	5.5	5.9	5.8
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	7.0	6.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.4	6.8
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	7.5	5.0	6.5	6.0	7.5	7.0	6.8	6.2
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	7.5	7.0	7.5	7.5	5.0	7.5	6.9	6.5
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	7.0	4.0	5.5	6.5	5.0	5.5	5.5	5.1
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	7.0	6.5	6.5	7.0	5.5	7.0	6.6	6.0
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	7.5	7.5	6.5	6.0	5.5	5.5	6.1	5.6
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	6.0	6.0	6.0	6.5	5.5	4.5	5.4	5.4
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	7.0	7.0	7.5	8.0	6.5	5.5	6.6	6.0
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	9.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.0	7.4	7.1
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	7.5	7.5	7.5	7.5	6.0	7.0	7.0	6.4
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	8.0	6.0	6.0	5.0	5.0	6.0	5.9	5.6
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	6.0	6.5	6.0	7.0	6.0	7.5	6.7	5.7
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	7.0	6.5	7.0	6.5	5.0	6.5	6.3	5.4
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	7.0	5.5	5.5	6.0	3.0	4.5	4.8	4.2
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	7.5	5.5	7.5	8.5	5.5	8.0	7.1	6.2
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	7.0	7.0	5.0	6.0	4.0	5.0	5.3	5.2
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	7.0	6.0	6.5	5.0	5.5	6.5	6.1	5.7
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	7.0	7.5	7.5	6.5	6.5	7.0	6.9	6.1
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	8.0	8.0	7.5	8.0	6.5	7.0	7.3	6.4
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	8.0	7.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.2	6.7
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	7.0	6.0	6.5	7.5	5.5	7.0	6.6	6.0
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	6.5	8.0	6.0	5.5	3.0	6.0	5.6	5.5
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	7.0	3.5	6.5	6.0	3.0	5.0	4.9	4.8
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	7.0	4.5	5.0	5.0	2.5	5.0	4.6	4.6
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	6.5	6.0	7.5	7.5	5.0	6.5	6.3	5.9
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	8.0	6.0	5.5	7.0	4.0	5.5	5.7	5.3
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	7.0	6.0	7.5	6.0	5.5	7.0	6.5	5.6
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	7.5	7.0	7.5	7.0	6.5	8.0	7.3	6.5
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	7.5	4.5	6.5	7.0	6.0	6.0	6.2	5.5
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	9.0	7.0	8.0	8.0	7.5	9.5	8.4	7.7
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	8.0	8.0	7.0	8.0	5.5	6.5	6.8	6.1
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	6.0	6.5	6.0	7.5	6.0	7.5	6.7	6.0
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	7.0	5.5	6.0	6.5	3.0	5.5	5.3	5.0
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	7.5	6.0	5.5	5.5	5.5	5.5	5.8	5.7
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	7.5	7.0	5.5	6.5	4.5	7.5	6.4	6.0
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	7.0	7.0	5.5	7.0	5.0	5.0	5.7	5.9

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN LỊCH SỬ LỚP 10A4

HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	7.0	7.5	8.0	5.5	6.0	6.4	6.4
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	7.5	8.5	6.0	5.8	3.0	5.3	5.5
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	6.5	7.5	7.0	7.0	6.5	6.8	7.2
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	9.0	7.5	8.5	8.5	8.0	8.3	7.9
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	10	8.5	9.0	8.8	7.3	8.4	8.4
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	4.0	7.5	6.0	2.5	4.8	4.6	4.7
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	7.0	8.5	7.0	4.5	9.0	7.3	7.3
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	7.0	7.5	9.0	7.0	7.0	7.3	7.1
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	10	7.5	9.0	8.8	8.3	8.6	8.6
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	7.0	8.5	8.0	7.8	7.8	7.8	7.9
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	10	8.5	10	8.0	4.8	7.4	7.5
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	7.0	7.5	8.0	7.5	5.5	6.8	7.2
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	5.0	7.0	8.0	6.8	6.0	6.5	6.5
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	10	7.5	8.0	6.3	6.3	7.1	7.0
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	7.0	7.0	5.0	7.8	4.0	5.8	6.0
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	7.0	8.0	8.0	6.3	5.5	6.5	6.6
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	10	8.0	7.8	4.3	7.1	7.0
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	9.0	8.5	9.0	5.5	4.0	6.2	6.5
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	6.0	7.0	7.0	6.0	5.8	6.2	6.6
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	7.0	7.5	5.0	6.3	4.3	5.6	6.0
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	9.0	7.5	9.0	7.5	8.0	8.1	8.1
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	7.0	7.5	7.0	3.8	3.0	4.8	5.0
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	7.0	10	8.5	7.0	5.8	7.1	7.7
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	7.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.3	7.4
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	6.5	7.5	8.0	8.5	5.5	6.9	7.0
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	10	8.0	7.0	8.0	7.0	7.8	7.7
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	9.0	8.5	8.0	6.8	6.8	7.4	7.3
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	10	8.0	7.0	6.5	7.0	7.4	7.8
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	9.0	7.5	10	6.0	5.0	6.7	6.8
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	10	7.0	8.0	6.5	6.3	7.1	7.1
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	6.0	7.0	7.0	4.5	4.8	5.4	5.6
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	7.0	8.5	6.0	5.3	3.3	5.3	5.8
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	10	7.5	9.0	6.0	7.8	7.7	7.6
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	7.0	7.5	8.0	4.3	3.0	5.0	5.2
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	9.0	7.5	8.0	7.3	6.8	7.4	7.1
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	7.0	8.5	7.0	8.3	7.5	7.7	7.3
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	7.0	7.5	7.0	3.8	4.3	5.3	5.6
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	10	10	9.0	7.3	7.5	8.3	8.3
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	9.0	9.0	7.0	6.3	6.3	7.1	7.0
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	10	9.5	8.0	7.0	8.0	8.2	8.1
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	8.0	7.5	7.0	6.5	4.8	6.2	6.7
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	7.0	8.0	8.0	8.8	6.3	7.4	7.2
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	7.0	7.5	6.0	8.5	7.5	7.5	7.4
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	10	7.5	6.0	5.0	4.3	5.8	5.9
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	10	9.0	8.0	8.0	6.0	7.6	7.7

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi **BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10A4**

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	7.1
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	6.0	10	9.0	6.5	5.5	6.8	6.6
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	9.0	10	9.0	8.8	7.0	8.3	8.2
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	7.0	9.0	1.0	9.0	7.8	7.3	7.5
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	9.0	10	9.0	8.3	7.3	8.3	8.1
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	7.0	7.5	7.0	5.8	5.0	6.0	5.9
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	5.0	9.0	7.0	5.8	5.8	6.3	6.5
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	6.0	10	8.0	7.3	6.5	7.3	7.1
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	10	10	10	9.8	8.8	9.5	9.2
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	6.0	7.5	7.0	9.0	7.3	7.6	7.5
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	9.0	9.0	10	7.5	6.8	7.9	7.8
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	7.0	7.5	4.0	8.0	7.3	7.1	7.2
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	7.0	10	7.0	6.8	5.5	6.8	7.1
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	6.0	10	7.0	5.3	5.0	6.1	6.2
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	6.0	10	3.0	7.0	5.5	6.2	6.6
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	9.0	8.0	9.0	5.5	6.5	7.1	7.1
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	10	9.0	7.3	6.0	7.7	7.6
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	6.0	10	9.0	7.5	7.0	7.6	7.3
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	8.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.6	7.1
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	7.0	9.5	8.0	7.5	5.8	7.1	7.0
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	8.0	10	7.0	9.0	7.8	8.3	8.1
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	6.0	7.5	9.0	4.0	4.3	5.4	5.4
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	10	10	9.0	9.5	8.5	9.2	8.9
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	8.0	8.5	8.0	7.5	7.3	7.7	7.6
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	7.0	7.0	8.0	5.5	6.8	6.7	6.6
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	7.0	9.5	9.0	7.3	6.8	7.6	7.5
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	7.0	10	8.0	6.8	6.5	7.3	7.2
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	6.0	9.5	8.0	8.0	7.8	7.9	7.7
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	5.0	10	7.0	7.5	5.3	6.6	6.9
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	8.0	10	5.0	7.0	6.0	6.9	7.2
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	5.0	5.5	4.0	7.3	5.5	5.7	6.1
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	9.0	9.0	8.0	8.3	7.0	8.0	7.7
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	6.0	10	9.0	7.0	7.8	7.8	7.6
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	7.0	9.0	7.0	6.8	5.0	6.5	6.8
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	9.0	10	9.0	7.8	7.5	8.3	7.9
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	8.0	10	10	8.0	7.8	8.4	8.1
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	6.0	10	7.0	4.0	5.5	5.9	6.3
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	10	10	8.0	9.0	9.0	9.1	8.8
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	7.0	10	8.0	6.3	6.8	7.3	7.3
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	9.0	10	10	8.8	8.3	8.9	8.8
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	6.0	10	5.0	4.3	5.0	5.6	5.6
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	7.0	9.5	5.0	6.3	6.0	6.5	6.7
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	7.0	10	7.0	8.5	7.3	7.9	7.9
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	7.0	10	7.0	6.8	5.0	6.6	6.7
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	10	10	5.0	7.5	6.8	7.6	7.7

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TIẾNG ANH LỚP 10A4
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	4.0	2.0	3.0	2.0	8.2	6.3	5.1	5.2
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	3.0	6.0	5.0	5.0	6.6	4.8	5.2	5.4
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	6.7	6.8	6.7
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	8.0	8.5	8.0	6.0	8.3	6.9	7.5	7.2
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	9.0	7.0	9.0	5.0	7.9	7.2	7.5	7.2
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	9.0	4.0	6.5	5.0	6.6	4.9	5.8	5.9
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	10	5.0	7.5	8.0	6.2	6.6	7.0	7.1
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	7.0	5.0	6.0	6.5	6.1	6.5	6.2	6.1
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	10	8.5	9.0	8.0	9.2	8.1	8.7	8.5
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	8.0	7.0	7.5	7.5	7.0	7.1	7.3	7.2
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	10	8.0	7.0	10	6.8	7.6	7.9	7.6
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	6.0	5.0	5.5	5.5	6.4	5.1	5.6	5.6
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	4.0	5.0	5.0	5.0	7.2	6.6	5.9	6.3
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	10	7.5	8.5	9.0	8.0	6.5	7.8	7.6
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	9.0	6.5	8.0	6.0	6.3	6.8	6.9	6.5
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	9.0	9.0	9.5	7.0	8.0	7.1	8.0	7.8
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	10	10	10	8.8	8.5	9.2	9.1
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	6.0	5.5	6.0	6.0	5.4	6.4	5.9	5.9
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	7.0	7.0	7.0	5.0	6.2	5.7	6.2	6.1
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	8.0	4.5	6.5	6.0	6.7	6.7	6.5	6.3
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	7.0	5.0	6.5	5.0	7.8	7.0	6.7	6.5
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	5.0	7.0	6.0	5.0	6.7	6.0	6.0	5.9
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	10	9.0	9.5	10	9.0	8.6	9.1	8.9
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	10	6.0	8.0	5.0	6.8	7.3	7.2	6.8
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	10	9.0	9.0	8.0	7.8	7.1	8.1	7.9
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	9.0	9.5	9.5	5.5	8.0	7.6	8.0	7.9
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	7.0	4.5	5.5	7.0	7.0	6.4	6.4	6.2
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	10	9.0	9.5	6.0	8.8	8.2	8.5	7.9
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	9.0	7.5	8.5	5.5	8.0	5.7	7.1	5.9
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	10	7.0	9.0	9.0	8.0	7.9	8.3	8.2
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	9.0	6.0	8.0	5.0	7.6	5.7	6.7	6.6
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	1.0	2.0	1.5	1.0	6.2	4.3	3.4	3.9
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	8.0	9.5	9.0	6.5	8.0	7.7	8.0	7.7
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	7.0	2.0	4.5	1.0	2.8	5.1	3.9	3.9
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	10	9.0	9.5	8.0	7.2	8.1	8.4	7.9
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	7.0	6.5	7.0	7.0	7.2	6.5	6.8	6.6
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	10	7.0	8.5	2.0	6.9	5.9	6.6	6.6
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	10	10	10	10	9.4	8.0	9.2	9.0
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	3.0	7.0	5.0	6.0	6.8	5.4	5.6	5.4
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	9.0	10	9.5	9.0	9.2	7.8	8.8	8.8
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	8.0	6.0	7.0	5.0	6.4	6.4	6.4	6.3
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	7.0	5.0	6.0	8.5	6.4	6.0	6.4	6.1
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	10	8.5	9.0	6.0	9.0	7.9	8.4	8.0
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	8.0	7.0	7.5	5.0	7.6	7.2	7.1	6.8
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	6.0	3.5	5.0	3.0	8.3	5.3	5.6	5.3

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi **BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 10A4**

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP AN LỚP 10A4

HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	10	9.0	6.0	9.0	8.3	7.7
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	9.0	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	10	9.0	9.5	7.0	8.4	8.0
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	8.0	9.0	9.5	8.0	8.6	7.8
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	9.0	10	8.5	7.0	8.1	8.2
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	7.0	9.0	6.0	7.0	7.0	6.0
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	10	8.0	5.5	9.0	8.0	7.6
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	10	9.0	9.0	9.0	9.1	8.5
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	9.0	10	10	8.0	9.0	8.7
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	9.0	9.0	9.5	8.0	8.7	8.2
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	10	9.0	7.0	9.0	8.6	8.2
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	10	9.0	9.0	8.0	8.7	7.8
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	8.0	10	7.5	7.0	7.7	7.4
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	8.0	9.0	6.5	9.0	8.1	7.5
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	8.0	9.0	7.5	7.0	7.6	7.6
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	9.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	10	10	6.5	8.0	8.1	8.3
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	8.0	8.0	6.5	7.0	7.1	6.7
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	10	9.0	5.5	8.0	7.7	7.1
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	7.0	9.0	8.5	7.0	7.7	7.3
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	7.0	9.0	8.0	7.0	7.6	7.4
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	10	9.0	5.0	6.0	6.7	6.4
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	9.0	9.0	9.0	7.0	8.1	8.2
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	7.0	8.0	7.0	8.0	7.6	7.4
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	10	8.0	6.5	7.0	7.4	7.3
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	7.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.9
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	8.0	9.0	8.0	7.0	7.7	7.8
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	8.0	9.0	9.0	7.0	8.0	7.9
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	9.0	8.0	7.5	9.0	8.4	7.9
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	7.0	9.0	8.5	9.0	8.6	8.0
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	10	10	6.0	8.0	8.0	7.7
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	10	8.0	7.0	10	8.9	8.5
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	9.0	9.0	9.5	6.0	7.9	8.1
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	7.0	9.0	7.0	8.0	7.7	7.4
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	7.0	10	6.5	8.0	7.7	7.6
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	8.0	9.0	10	6.0	7.9	7.7
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	9.0	9.0	6.0	6.0	6.9	6.4
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	9.0	10	9.5	9.0	9.3	9.0
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	7.0	10	5.0	7.0	6.9	7.5
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	10	9.0	9.5	7.0	8.4	8.6
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	8.0	8.0	6.5	7.0	7.1	6.4
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	9.0	8.0	7.5	7.0	7.6	7.2
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	9.0	9.0	9.5	9.0	9.1	8.5
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	8.0	9.0	7.0	9.0	8.3	7.9
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	9.0	10	9.5	9.0	9.3	8.9

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi **BẢNG ĐIỂM MÔN HĐ TN, HƯỚNG NGHIỆP LỚP 10A4**

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 2					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK2	ĐĐG CK2	TBM HK2	TBM CN
1	Ngô Nhật Ân	30/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
2	Nguyễn Thị Kim Chi	11/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
3	Trương Văn Hoàng Diệu	17/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
4	Nguyễn Hoài Anh Dương	29/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
5	Đỗ Thị Hào	02/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
6	Đỗ Hữu Hiển	03/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
7	Nguyễn Văn Hoàng	02/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
8	Trương Thị Hóa	07/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
9	Nguyễn Thị Thanh Huệ	26/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
10	Phạm Quang Huy	05/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
11	Đặng Hồng Hưng	04/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
12	Huỳnh Duy Hưng	22/04/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
13	Trương Văn Vũ Hưng	27/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
14	Phạm Anh Kha	08/02/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
15	Bùi Quang Khải	11/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
16	Nguyễn Hữu Kính	31/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
17	Ngô Phương Lan	26/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
18	Tiêu Thị Mỹ Lợi	20/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
19	Lâm Sĩ Luân	04/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
20	Nguyễn Tấn Mạnh	13/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
21	Bùi Phương Nam	17/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
22	Nguyễn Thị Nga	10/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
23	Phạm Đình Nguyên	08/08/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
24	Nguyễn Xuân Nhân	30/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
25	Nguyễn Văn Nhất	24/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
26	Nguyễn Ngọc Nương	13/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
27	Huỳnh Thị Nữ	16/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
28	Nguyễn Thị Mỹ Phương	15/02/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
29	Phạm Thị Nhã Quyên	28/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
30	Trương Hoàng Sơn	10/05/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
31	Bùi Hữu Thuần	06/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
32	Phạm Ngọc Anh Thư	28/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
33	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	20/06/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
34	Lê Viết Trà	01/12/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
35	Nguyễn Khánh Trâm	05/11/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
36	Võ Gia Triết	28/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
37	Võ Thị Mỹ Triết	10/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
38	Bùi Thị Trinh	10/09/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
39	Huỳnh Thị Trinh	16/10/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
40	Phạm Tuấn Tú	12/07/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
41	Đặng Thị Thảo Viên	23/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
42	Đoàn Hữu Vĩ	10/03/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
43	Huỳnh Trường Vũ	29/01/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
44	Tiêu Viết Ý	02/04/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
45	Võ Trần Minh Nguyện	27/05/2007	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ